

Số: 1564 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 29 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chí, thang điểm và phương pháp
đánh giá công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và đơn vị
sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 290-QĐ/TW ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1238-QĐ/TU ngày 25/5/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị;

Căn cứ Kế hoạch phối hợp số 20-KH/BCSD-BDVTU ngày 24/4/2019 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và Ban Dân vận Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1267/SNV-XDCQ ngày 22/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- LĐVP, Phòng NC;
- Lưu: VT (T53)

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trâm

QUY ĐỊNH

**Về tiêu chí, thang điểm và phương pháp đánh giá công tác dân vận
của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1564/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí, thang điểm và phương pháp đánh giá công tác dân vận của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành, cơ quan và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh (sau đây gọi tắt là các sở, ban, ngành); các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

b) UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện); các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện).

c) UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã).

Điều 2. Mục đích đánh giá, phân loại

Việc đánh giá, phân loại hàng năm về công tác dân vận của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập các cấp nhằm xem xét toàn diện các hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh tại địa bàn theo quy định. Trên cơ sở đánh giá nhằm phát huy các nhân tố tích cực, khắc phục những hạn chế, yếu kém, tạo động lực thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập các cấp.

Kết quả đánh giá, xếp loại thực hiện công tác dân vận chính quyền là một trong những cơ sở để xem xét, đánh giá thi đua của các cơ quan, địa phương, đơn vị vào dịp tổng kết các khối thi đua tại các cơ quan, địa phương, đơn vị; kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền được đánh giá, xếp

loại đạt loại khá trở lên mới đủ điều kiện, tiêu chí đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, phân loại

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác dân vận chính quyền và đặc điểm tình hình của địa phương, UBND tỉnh quy định các tiêu chí để đánh giá kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập các cấp. Mỗi tiêu chí có thang điểm chuẩn tối đa (theo bảng điểm), tổng số điểm tối đa tương ứng với các tiêu chí là 90/100 điểm, 10 điểm còn lại do cơ quan cấp trên đánh giá thưởng cho các cơ quan, địa phương, đơn vị có cách làm hay, sáng tạo, đồng thời người đứng đầu của các cơ quan, địa phương, đơn vị năm đó phải được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có mô hình, điển hình trong phong trào thi đua “Dân vận khéo” được đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen.

Chấm điểm, đánh giá đảm bảo thực chất, dân chủ, công bằng, công khai và khách quan; việc chấm điểm dựa trên mức độ hoàn thành khối lượng và hiệu quả công việc đạt được theo yêu cầu của từng nội dung tiêu chí.

Chương II

TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC DÂN VẬN

Điều 4. Tiêu chí đánh giá

Tiêu chí 1: Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác dân vận (03 điểm);

Tiêu chí 2: Thực hiện nhiệm vụ chính trị (07 điểm);

Tiêu chí 3: Thực hiện công tác cải cách hành chính (08 điểm);

Tiêu chí 4: Giải quyết khiếu nại, tố cáo (07 điểm);

Tiêu chí 5: Xây dựng cơ quan văn hóa, công sở văn minh (10 điểm);

Tiêu chí 6: Thực hiện quy chế dân chủ theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ (17 điểm);

Tiêu chí 7: Công tác vận động nhân dân, phong trào thi đua “Dân vận khéo” (18 điểm);

Tiêu chí 8: Tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân tham gia quản lý nhà nước (10 điểm);

Tiêu chí 9: Thực hiện công tác tiếp dân (10 điểm);

Tiêu chí 10: Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo; điểm thưởng (10 điểm).

(Kèm theo bảng điểm chấm chi tiết của từng tiêu chí).

Điều 5. Phương pháp đánh giá, phân loại

1. Việc đánh giá, phân loại được thực hiện dựa trên **10** tiêu chí đánh giá được nêu tại Điều 4 Quy định này. Mỗi tiêu chí quy định một hoặc nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công tác dân vận của các cơ quan nhà nước với tổng số là **100** điểm.

2. Cách chấm điểm từng mục của tiêu chí

a) Thực hiện tốt các nội dung: chấm điểm tối đa.

b) Hoàn thành mức độ khá: được 70% tổng số điểm.

c) Hoàn thành ở mức độ trung bình: được 50% tổng số điểm.

d) Trường hợp không đạt: không có điểm.

Điều 6. Phân loại mức độ hoàn thành

1. Tùy theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ mà các đơn vị đánh giá, chấm điểm theo từng tiêu chí, sau đó lấy điểm tổng cộng của 10 tiêu chí để phân loại theo các mức như sau:

a) *Hoàn thành xuất sắc*: Là những cơ quan, đơn vị, địa phương đạt từ 90 đến 100 điểm; đồng thời, phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Không để xảy ra điểm “nóng” hoặc các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài;

- Có từ 02 hoạt động trở lên đối với UBND cấp huyện và có 01 hoạt động trở lên đối với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan đến phong trào thi đua dân vận khéo trong cơ quan, địa phương, đơn vị;

- Không có cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc vi phạm quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ, suy thoái về đạo đức, lối sống;

- Các mục của từng tiêu chí phải đạt từ 70% số điểm trở lên.

b) *Hoàn thành tốt*: Là những cơ quan, địa phương, đơn vị đạt từ 75 đến dưới 90 điểm và đảm bảo các điều kiện sau:

- Không để xảy ra điểm “nóng” hoặc các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài;

- Không có cán bộ, công chức, viên chức và người lao động vi phạm quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ, suy thoái về đạo đức, lối sống;

- Các mục của từng tiêu chí phải đạt từ 50% số điểm trở lên.

c) *Hoàn thành*: Là những cơ quan, địa phương, đơn vị đạt từ 50 đến dưới 75 điểm.

d) *Không hoàn thành*: Là những cơ quan, địa phương, đơn vị đạt dưới 50 điểm.

2. Trường hợp hạ mức độ hoàn thành nhiệm vụ xuống một bậc: Cơ quan, địa phương, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo (*đối với cán bộ*) và hạ bậc lương (*đối với công chức, viên chức, người lao động*) thì hạ mức độ hoàn thành nhiệm vụ xuống một bậc so với mức độ phân loại theo tổng số điểm được chấm.

3. Trường hợp xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ công tác dân vận: Cơ quan, địa phương, đơn vị để xảy ra tham nhũng hoặc có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật từ hình thức cách chức trở lên (*đối với cán bộ*) và hình thức cảnh cáo trở lên (*đối với công chức, viên chức, người lao động*); bị xử lý hình sự; mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Thẩm quyền, trình tự, thời gian xét duyệt, phân loại

1. Đối với cấp tỉnh

a) Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định phân loại công tác dân vận chính quyền đối với các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện.

b) Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định phân loại công tác dân vận chính quyền đối với các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

2. Trình tự, thời gian xét duyệt, phân loại đối với công tác dân vận.

a) Đối với cấp huyện, cấp xã: Trong tháng 11 hàng năm, các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã tiến hành tự chấm điểm công tác dân vận và gửi về Phòng Nội vụ trước ngày 01/12 để tổng hợp. Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận các Huyện ủy, Thành ủy tiến hành rà soát kết quả chấm điểm, báo cáo UBND cấp huyện xem xét, quyết định trước ngày 10/12 hàng năm.

b) Đối với cấp tỉnh: Trong tháng 12 hàng năm, các Sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện xây dựng báo cáo, tiến hành tự chấm điểm, đánh giá công tác dân vận, báo cáo gửi về Văn phòng Sở Nội vụ trước ngày 10/12 để tổng hợp. Từ ngày 15/12 đến 25/12 hàng năm, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy tiến hành rà soát kết quả chấm điểm, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Các cơ quan, địa phương, đơn vị

Trên cơ sở tiêu chí, thang điểm và phương pháp đánh giá, phân loại nêu trên, hàng năm vào tháng 11, các cơ quan, địa phương, đơn vị tự đánh giá, phân

loại. Kết quả đánh giá, kết quả phân loại việc thực hiện công tác dân vận chính quyền là tiêu chí để xét thi đua, khen thưởng cuối năm của cơ quan, địa phương, đơn vị.

2. Sở Nội vụ

a) Triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định này đến các cơ quan, địa phương, đơn vị.

b) Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức đánh giá, chấm điểm, xếp loại kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền đối với các cơ quan, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp huyện trước ngày 31/12 hàng năm.

c) Rà soát, tổng hợp, báo cáo kết quả chấm điểm công tác dân vận của các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. UBND cấp huyện

a) Chỉ đạo Phòng Nội vụ hướng dẫn các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã thực hiện Quy định này.

b) Chỉ đạo Phòng Nội vụ

- Tham mưu UBND cấp huyện phối hợp Ban Dân vận Huyện ủy, Thành Ủy ban hành kế hoạch kiểm tra, đánh giá, chấm điểm, xếp loại kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền đối với các cơ quan, đơn vị; phòng, ban chuyên môn; UBND cấp xã.

- Rà soát, tổng hợp, báo cáo kết quả trình UBND cấp huyện xem xét, quyết định và báo cáo kết quả về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ), Ban Dân vận Tỉnh ủy để theo dõi.

Trong quá trình tổ chức, triển khai và thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để kịp thời xem xét, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trăm

**BẢNG CHẤM ĐIỂM
CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC DÂN VẬN TRONG CÁC
CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, NĂM.....**

ĐƠN VỊ:.....

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 29/7 /2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

TT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM			Ghi chú
		Chuẩn	Tự chấm	Tỉnh chấm	
Tiêu chí 1: Thực hiện tổ chức triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác dân vận		3			
1	Triển khai thực hiện các văn bản của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về công tác dân vận. Kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản phù hợp với điều kiện thực tế của các cơ quan, địa phương, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	1			
2	Cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về công tác dân vận trong các văn bản, kế hoạch, chương trình, đề án... để áp dụng tại cơ quan, địa phương, đơn vị đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và khả thi.	2			
Tiêu chí 2: Thực hiện nhiệm vụ chính trị		7			
1	Cơ quan, địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị; các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội khi ban hành phải được nhân dân đồng tình và mang lại hiệu quả thiết thực.	4			
2	Các tập thể, cá nhân trong cơ quan, địa phương, đơn vị không sai phạm, vi phạm pháp luật, lãng phí, tiêu cực, gây mất đoàn kết nội bộ.	3			

Tiêu chí 3: Thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC)		8			
1	Triển khai thực hiện công tác CCHC tại cơ quan, địa phương, đơn vị đảm bảo hiệu quả và phục vụ tốt cho nhân dân; tạo được sự hài lòng của người dân đối với bộ máy và hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.	1			
2	Thực hiện nghiêm và đầy đủ việc công khai, minh bạch các thủ tục hành chính theo quy định tại cơ quan, địa phương, đơn vị cả về hình thức lẫn nội dung, để người dân biết, hiểu, thực hiện và giám sát việc thực hiện. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm việc giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định; kịp thời chấn chỉnh và xử lý nghiêm những hành vi nhũng nhiễu, vòi vĩnh, gây phiền hà cho người dân.	3			
3	Hàng năm, tổ chức kiểm tra nội bộ (hoặc rà soát, kiến nghị) để phát hiện những bất cập trong các quy định về thủ tục hành chính, quy trình giải quyết hồ sơ, nhằm cải tiến, hợp lý hóa thủ tục hành chính, quy trình giải quyết hồ sơ, không để xảy ra tình trạng giải quyết hồ sơ trễ hẹn và người dân phải đi lại nhiều lần để bổ sung hồ sơ.	4			
Tiêu chí 4: Giải quyết khiếu nại, tố cáo		7			
1	Cơ quan, địa phương, đơn vị phải chỉ đạo xử lý, giải quyết kịp thời đơn, thư kiến nghị, các vụ việc khiếu nại, tố cáo của nhân dân.	2			
2	Không có vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài, tình trạng đơn thư vượt cấp, khiếu kiện đông người. Thực hiện tốt công tác thanh tra nhân dân, công tác hòa giải ngay từ cơ sở.	5			
Tiêu chí 5: Xây dựng cơ quan văn hóa, công sở văn minh		10			
1	Xây dựng công sở văn minh, thực hiện tốt các quy định về quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) khi thi hành công vụ, tiếp xúc, giải quyết công việc với nhân dân.	2			

2	Cơ quan, địa phương, đơn vị không có CBCCVC suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, vi phạm kỷ luật và bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.	3			
3	Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức trong đội ngũ CBCCVC; tạo sự chuyển biến tích cực về xây dựng và thực hiện phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, “nghe dân nói, nói dân hiểu, hướng dẫn dân làm, làm dân tin” và phương châm “chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, hiệu quả”	3			
4	Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, giải quyết nhanh, có hiệu quả công việc của tổ chức và nhân dân; quan tâm công tác tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống cho CBCCVC; chấn chỉnh và tăng cường kỷ luật, siết chặt kỷ cương hành chính trong CBCCVC.	2			
Tiêu chí 6: Thực hiện quy chế dân chủ (QCDC) theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ		17			
1	Thường xuyên kiện toàn, củng cố, phát huy vai trò tham mưu, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra của Ban chỉ đạo thực hiện QCDC ở cơ sở tại cơ quan, địa phương, đơn vị; triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 120-KL/TW ngày 07/01/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở; mở rộng các hình thức dân chủ, tạo điều kiện để CBCCVC và người lao động được thông tin, bàn bạc và tham gia ý kiến vào các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ trong công tác chuyên môn. Phát huy vai trò của các đoàn thể trong việc phát huy dân chủ ở địa phương, đơn vị.	4			
2	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập đến toàn thể CBCCVC, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức hội nghị CBCC đảm bảo thời gian và nội dung quy định. Sau hội nghị có ban hành (hoặc sửa đổi bổ sung) đầy đủ các loại văn bản như: nghị quyết, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc, quy chế thi đua, khen thưởng... Có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.	4			

3	Xây dựng đội ngũ CBCCVC có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm cao trong thực thi công vụ và vận động nhân dân, thực hiện đầy đủ các nội dung công khai minh bạch theo phương châm “ <i>Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra</i> ” và các quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ.	4			
4	Người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị phải công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành, gương mẫu trong công tác và sinh hoạt, chịu trách nhiệm cá nhân, nói đi đôi với làm, thực sự là tấm gương sáng cho CBCCVC noi theo. Kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý nghiêm những CBCCVC có thái độ thờ ơ, vô trách nhiệm, những nhiều, yếu kém về năng lực, suy thoái về đạo đức, lối sống, giảm sút uy tín đối với nhân dân. Công khai quy định về trách nhiệm, thái độ của CBCCVC trong thực thi công vụ, phục vụ nhân dân; quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ để nhân dân biết, giám sát.	5			
Tiêu chí 7: Công tác vận động nhân dân, thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo”		18			
1	Thực hiện tốt công tác vận động nhân dân tham gia quản lý nhà nước, phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng “ <i>nông thôn mới, đô thị văn minh</i> ”.	5			
2	Hàng năm, mỗi địa phương tổ chức ít nhất 02 hoạt động, mỗi sở, ban, ngành, đơn vị tổ chức ít nhất 01 hoạt động về công tác dân vận nhằm giúp đỡ nhân dân trên các lĩnh vực đời sống xã hội, cụ thể như: Những việc làm nhằm giúp dân phát triển kinh tế, giảm nghèo, xây cầu, làm đường giao thông, xây và sửa chữa nhà tình nghĩa, nhà tình thương, hỗ trợ người có công, gia đình chính sách, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn...	4			
3	Tổ chức xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình trong phong trào thi đua “ <i>Dân vận khéo</i> ” tại cơ quan, địa phương, đơn vị; thường xuyên theo dõi, định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân thực hiện tốt phong trào; đưa phong trào thi đua “ <i>Dân vận khéo</i> ” đi vào hoạt động hiệu quả, nề nếp.	4			

4	Thường xuyên giới thiệu, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình “Dân vận khéo” trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các đợt sinh hoạt cơ quan, đơn vị.	5			
Tiêu chí 8: Tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, CBCCVC, người lao động và Nhân dân tham gia quản lý nhà nước		10			
1	Cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành cơ chế, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, CBCCVC, người lao động và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217, 218 của Bộ Chính trị.	4			
2	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tại cơ quan, địa phương, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.	3			
3	Các cấp chính quyền có lịch làm việc định kỳ 06 tháng, 01 năm với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp.	3			
Tiêu chí 9: Thực hiện công tác tiếp dân		10			
1	Thực hiện tốt chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân và chế độ tiếp dân định kỳ, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, không để xảy ra điểm “nóng”.	5			
2	Giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, những kiến nghị chính đáng của nhân dân.	5			
Tiêu chí 10: Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo; điểm thưởng		10			
1	Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân vận, báo cáo đúng thời gian quy định, đầy đủ theo yêu cầu.	2			
2	Chất lượng, nội dung báo cáo đảm bảo yêu cầu.	2			
3	Cơ quan, địa phương, đơn vị có cách làm đổi mới, nổi bật, xuất sắc, sáng tạo trong công tác dân vận được cấp trên đánh giá, ghi nhận và đánh giá, xếp loại người đứng đầu năm đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	2			

4	Cấp ủy, chính quyền các cơ quan, địa phương, đơn vị không bị cơ quan cấp trên phê bình, nhắc nhở bằng văn bản.	2			
5	Các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng được nhiều mô hình, điển hình “Dân vận khéo” tiêu biểu xuất sắc, có sức ảnh hưởng rộng, lan tỏa tại địa phương cũng như trên địa bàn toàn tỉnh; có mô hình, điển hình trong phong trào thi đua “Dân vận khéo” được đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen.	2			
TỔNG ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC		100			

*** Lưu ý:**

- Thực hiện tốt mỗi nội dung thì chấm điểm tối đa, hoàn thành ở mức khá thì được 70% tổng số điểm, hoàn thành ở mức độ trung bình thì được 50% tổng số điểm, trường hợp không đạt thì không có điểm.
- Thực hiện điểm trừ: điểm trừ sẽ tính vào tổng số điểm sau khi chấm trong các trường hợp sau:
 - + Chậm gửi báo cáo 6 tháng về công tác dân vận: Chậm từ 01 - 03 ngày: trừ 0,5 điểm; chậm từ 04 - 05 ngày: trừ 01 điểm; chậm quá 5 ngày: trừ 03 điểm.
 - + Chậm gửi báo cáo năm về công tác dân vận: Chậm từ 01 - 03 ngày: trừ 01 điểm; chậm từ 04 - 05 ngày: trừ 02 điểm; chậm quá 5 ngày: trừ 05 điểm.
 - + Chậm gửi báo cáo chuyên đề về công tác dân vận: Chậm 01 ngày: trừ 01 điểm.
 - + Để xảy ra điểm “nóng” hoặc các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài: Trừ 02 điểm.
 - + Trong năm không có kế hoạch chỉ đạo xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình trong phong trào thi đua “Dân vận khéo”: Trừ 02 điểm.